

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam với sứ mệnh phụng sự phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc

Vũ Hùng Cường^(*)

Tóm tắt: Thành lập từ năm 1953, trải qua 72 năm hình thành và phát triển, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam đã có nhiều đóng góp nổi bật trong nghiên cứu lịch sử dân tộc và cội nguồn văn hóa; cung cấp luận cứ khoa học và tư vấn chính sách trong xác định mô hình và định hướng con đường phát triển; đảm bảo phát triển bền vững, chủ quyền lãnh thổ và an ninh quốc gia; chủ động hội nhập quốc tế đồng thời với bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, giá trị văn hóa dân tộc. Những thành tựu, đóng góp của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam đã khẳng định sứ mệnh đặc biệt của mình, đó là tư vấn chiến lược cho Đảng và Nhà nước, nghiên cứu phục vụ chính sách, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng - là những minh chứng hết sức thuyết phục phản bác mọi luận điểm sai trái, nghi ngờ về vai trò và vị thế độc lập của mô hình Viện Hàn lâm. Trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam đang tiếp tục tự đổi mới, nâng cao năng lực toàn diện để tiếp tục khẳng định sứ mệnh của một tổ chức nghiên cứu cơ bản, tư vấn chính sách quan trọng hàng đầu để có những đóng góp lớn hơn phụng sự phát triển đất nước.

Từ khóa: Khoa học xã hội và nhân văn, Nghiên cứu cơ bản, Tư vấn chính sách, Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Abstract: Established in 1953, after 72 years of formation and development, the Vietnam Academy of Social Sciences has made numerous outstanding contributions to the study of national history and cultural origins; providing scientific arguments and policy advice in determining models and orienting development paths; ensuring sustainable development, territorial sovereignty and national security; proactively integrating internationally while protecting the Party's ideological foundation and national cultural values. The achievements and contributions of the Vietnam Academy of Social Sciences have affirmed its special mission, which is to provide strategic advice to the Party and State, conduct policy research, and protect the Party's ideological foundation, are extremely convincing evidence to refute all wrong arguments and doubts about the role and independent position of the Academy. In the era of national rise, the

^(*) PGS.TS., Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;
Email: vuhungcuong07@gmail.com

Vietnam Academy of Social Sciences has been further innovating and improving its comprehensive capacity to continue affirming its mission as a leading basic research and policy consulting organization to make greater contributions to serving the country's development.

Keywords: Social Sciences and Humanities, Basic Research, Policy Consulting, Protecting the Party's Ideological Foundation, Vietnam Academy of Social Sciences

Ngày nhận bài: 25/10/2025; Ngày duyệt đăng: 25/10/2025

1. Mở đầu

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 01/2021) khẳng định: “khoa học xã hội và nhân văn, khoa học lý luận chính trị đã góp phần tích cực cung cấp luận cứ cho việc xây dựng đường lối, chính sách; bảo vệ, phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng; xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, con người Việt Nam và bảo vệ Tổ quốc” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021: 63-64). Cần khẳng định rằng vai trò của khoa học xã hội và nhân văn (KHXH&NV) gắn liền với mô hình, định hướng phát triển của mỗi quốc gia, sự tồn vong của quốc gia, dân tộc, chế độ.

Những thành tựu, đóng góp chủ yếu của các công trình nghiên cứu KHXH&NV do các thế hệ nhà khoa học, nhà nghiên cứu của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (Viện Hàn lâm) kiên trì thực hiện trong suốt hơn 70 năm qua đã được ghi nhận với 20 công trình, cụm công trình được Giải thưởng Hồ Chí Minh, 28 công trình, cụm công trình được Giải thưởng Nhà nước, được cô đọng và tích hợp trong các Văn kiện Đại hội Đảng, các Nghị quyết của Đảng, Chiến lược và chính sách phát triển của quốc gia qua các thời kỳ. Bài viết khái quát và nhấn mạnh một số thành tựu, đóng góp của Viện Hàn lâm theo một số hướng nghiên cứu chính, có vai trò trọng yếu, sống còn đối với quốc gia, dân tộc và chế độ xã hội chủ nghĩa (XHCN).

2. Những thành tựu, đóng góp chủ yếu theo các hướng nghiên cứu chính¹

Một là, cung cấp luận cứ khoa học về xây dựng chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; có ý nghĩa cách mạng và đóng góp quan trọng trong thay đổi tư duy, nhận thức và tác động đến tiến trình chuyển đổi phương thức phát triển đất nước

Đây là hướng nghiên cứu có ý nghĩa nền tảng góp phần định hướng cho tiến trình đổi mới của đất nước. Các Chương trình nghiên cứu cấp Quốc gia trong lĩnh vực triết học, chính trị học, kinh tế chính trị² và nhiều công trình nghiên cứu công phu về lý luận và tổng kết thực tiễn về chủ nghĩa xã hội (CNXH) và con đường đi lên CNXH đã góp phần làm rõ bản chất và đặc trưng của CNXH; cung cấp luận cứ khoa học, góp phần nâng cao nhận thức ngày càng đầy đủ hơn về mô hình CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam; góp

¹ Bài viết sử dụng tư liệu của cuốn kỷ yếu *Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam 70 năm xây dựng và phát triển*, Tập 1 và Tập 2, do Nxb. Khoa học xã hội ấn hành năm 2023.

² Chẳng hạn như: KX.01 “Những vấn đề lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta” (1991-1995); KHXH.01 “Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam” (1996-2000); KX.02/21-25 “Nghiên cứu, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong công cuộc xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc thời kỳ đổi mới giai đoạn từ năm 1986 đến nay, định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045”;...

phần cung cấp luận cứ cho việc hình thành và phát triển đường lối đổi mới toàn diện, trước hết là đổi mới về kinh tế và chính sách xã hội; góp phần vào sự hình thành đồng bộ hệ thống quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam và của Việt Nam, về hệ quan điểm phát triển bền vững đất nước theo định hướng XHCN, về chế độ sở hữu và đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, về mối quan hệ giữa xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ với chủ động, tích cực hội nhập quốc tế.

Các kết quả nghiên cứu của Viện Hàn lâm đã góp phần tác động đến toàn bộ đời sống xã hội, làm thay đổi phương thức phát triển, chuyển từ chủ quan, giáo điều và kém hiệu quả sang năng động, tích cực và hiệu quả, giải phóng được nguồn nội lực, sử dụng được ngoại lực, tiếp thu được tinh hoa văn hóa, văn minh bên ngoài, tiến sát hơn với chuẩn mực của cộng đồng thế giới và thông lệ quốc tế (Hồ Sĩ Quý, 2023).

Có thể thấy, các nghiên cứu của Viện Hàn lâm luôn đi trước trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước, có ý nghĩa cách mạng và đóng góp quan trọng trong thay đổi tư duy, nhận thức và tác động đến tiến trình chuyển đổi phương thức phát triển đất nước.

Hai là, cung cấp luận cứ khoa học về xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN, hệ thống chính trị và nền dân chủ XHCN, góp phần củng cố các nền móng cho sự phát triển ổn định và bền vững, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

Các chương trình nghiên cứu cấp quốc gia¹ và nhiều chương trình, đề tài nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn trong lĩnh vực triết học, chính trị học, luật học đã

cung cấp luận cứ khoa học và thực tiễn cho Đảng và Nhà nước nhằm đổi mới thể chế, đổi mới hệ thống chính trị, đổi mới và nâng cao năng lực cầm quyền và lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế, góp phần làm rõ hơn thực chất của công cuộc đổi mới và hoàn thiện hệ thống chính trị ở nước ta là xây dựng nền dân chủ XHCN; về xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của dân, do dân và vì dân; về dân chủ trong Đảng, trong xã hội và ở cơ sở, vấn đề thực hành dân chủ trong điều kiện một Đảng cầm quyền; về hoàn thiện thể chế pháp lý kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam trong bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền và hội nhập quốc tế.

Trong bối cảnh Việt Nam đẩy mạnh hội nhập quốc tế, tham gia nhiều hiệp định thương mại song phương và đa phương, các công trình nghiên cứu của Viện Hàn lâm đã góp phần hoàn thiện thể chế pháp lý kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam, tư vấn về các vấn đề chính sách pháp luật Việt Nam và vai trò của Nhà nước trong bối cảnh thực hiện các hiệp định thương mại mới, hội nhập quốc tế sâu rộng.

Bên cạnh giải quyết các vấn đề lý luận có tính chất định hướng, các công trình nghiên cứu đã tập trung giải quyết các vấn đề thực tiễn cấp bách đảm bảo sự tồn vong của hệ thống chính trị như: vấn đề thực hành dân chủ trong điều kiện một Đảng cầm quyền; vấn đề thực hiện công bằng xã hội; vấn đề nhóm lợi ích; vấn đề dân chủ hóa trong kinh tế và trong đời sống xã hội; các vấn đề chính sách pháp luật Việt Nam và vai trò của Nhà nước trong bối cảnh thực hiện các hiệp định thương mại mới, hội nhập quốc tế sâu rộng. Đặc biệt, trong bối cảnh bùng nổ thông tin và diễn biến phức tạp của cuộc đấu tranh tư tưởng, lực lượng chống phá, thù địch hoạt động ngày càng tinh vi, đội ngũ nhà nghiên cứu của Viện Hàn lâm đã tích cực tham gia

¹ Chẳng hạn như: KX.04 “Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân” (2001-2005); KHXH.06 “Những vấn đề về chủ nghĩa tư bản hiện đại” (1996-2000);...

bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng và trong đời sống xã hội, khẳng định vai trò tiên phong trên mặt trận tư tưởng, sử dụng vũ khí lý luận khoa học, đạo lý dân tộc và giá trị chân - thiện - mỹ để bảo vệ chân lý cách mạng, lan tỏa niềm tin và giá trị tích cực trong xã hội, góp phần giữ vững trận địa tư tưởng - văn hóa của Đảng.

Một nhiệm vụ chính trị quan trọng Viện Hàn lâm được Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ủy ban Thường vụ Quốc hội giao là Tổng kết việc thi hành Hiến pháp năm 1992 và góp phần sửa đổi Hiến pháp năm 1992. Viện đã xây dựng bản dự thảo sửa đổi Hiến pháp với nhiều chế định và nội dung mới được bổ sung, được Ủy ban dự thảo sửa đổi Hiến pháp đánh giá cao.

Như vậy, các công trình nghiên cứu của Viện Hàn lâm không chỉ đi trước tiến trình phát triển đất nước, mà còn góp phần củng cố các nền móng cho sự phát triển ổn định và bền vững, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, lấy ổn định thể chế chính trị làm nền tảng phát triển đất nước, xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN trong bối cảnh Việt Nam hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Ba là, cung cấp luận cứ khoa học và tư vấn chính sách về đổi mới mô hình tăng trưởng, hoạch định đường lối, chủ trương, chiến lược và chính sách phát triển kinh tế ở phạm vi rộng, có tính dài hạn, ở tầm vĩ mô

Đây là hướng nghiên cứu có tác động trực tiếp và rõ nét nhất đến tiến trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Các chương trình nghiên cứu cấp quốc gia¹

¹ Chẳng hạn như: KHXH.02 “Phương hướng, mục tiêu, tiến trình và những giải pháp nhằm công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” (1996-2000); KX.02 “Công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng chủ nghĩa xã hội - con đường và bước đi” (2001-2005);...

cùng nhiều chương trình, đề tài cấp Bộ trong lĩnh vực kinh tế, nhiều nhiệm vụ trọng điểm Trung ương Đảng trực tiếp giao cho Viện Hàn lâm phục vụ xây dựng các Văn kiện Đại hội Đảng trong các kỳ đại hội đã cung cấp luận cứ khoa học cho việc chuyên đổi từ mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, luận giải làm rõ bản chất và đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam với nhiều thành phần, nhiều hình thức sở hữu; xây dựng các luận điểm về đổi mới mô hình tăng trưởng dựa trên lợi thế so sánh động, tham gia có hiệu quả vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu, đẩy mạnh liên kết, luận giải và xác định mô hình công nghiệp hóa rút ngắn ở Việt Nam trên cơ sở tổng kết thực tiễn mô hình công nghiệp hóa của các quốc gia đi trước. Nghiên cứu của Viện Hàn lâm cũng góp phần quan trọng trong giải quyết các điểm nghẽn tăng trưởng, mối quan hệ giữa nhà nước và thị trường, các vấn đề đặt ra khi Việt Nam tham gia vào các hiệp định thương mại song phương và đa phương, góp phần định hướng hội nhập quốc tế chủ động, tích cực và hiệu quả. Sau sự kiện sụp đổ của chế độ XHCN ở Liên Xô và các nước Đông Âu, các nghiên cứu của Viện Hàn lâm đã kịp thời giải đáp nguyên nhân, rút ra bài học, đồng thời khẳng định tính đúng đắn của con đường đi lên CNXH ở Việt Nam. Trong bối cảnh của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, khủng hoảng tài chính tiền tệ ở các nước châu Á, các nghiên cứu của Viện Hàn lâm đã nỗ lực tìm kiếm giải pháp góp phần đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế và lạm phát, đồng thời tạo những nền tảng phát triển mới bền vững. Dưới tác động của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư và chuyên đổi số, các nghiên cứu của Viện Hàn lâm đã kịp thời cung cấp luận cứ khoa học và thực tiễn để góp phần điều chỉnh

mô hình tăng trưởng, xác định các động lực tăng trưởng mới hướng tới nền kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, đảm bảo mục tiêu đưa Việt Nam thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình, bước vào kỷ nguyên mới xây dựng đất nước Việt Nam công nghiệp, hiện đại và thịnh vượng.

Để giải quyết các yêu cầu cấp bách, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đã giao Viện Hàn lâm thực hiện các nhiệm vụ đột xuất về Đánh giá, dự báo tình hình kinh tế thế giới sau khủng hoảng tài chính toàn cầu và tác động đến Việt Nam năm 2009; Đánh giá chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015. Đặc biệt, nhiệm vụ Tổng kết 30 năm đổi mới đã góp phần tổng kết lý luận và thực tiễn toàn diện trên các lĩnh vực then chốt của 30 năm đổi mới, cung cấp nhiều luận cứ khoa học và thực tiễn quan trọng về công nghiệp hóa, hiện đại hóa; về kinh tế thị trường; về hệ thống chính trị, nhà nước pháp quyền XHCN; về phát triển văn hóa, xã hội.

Bên cạnh đó, các nghiên cứu theo đặt hàng của địa phương, doanh nghiệp được nhiều viện nghiên cứu của Viện Hàn lâm thực hiện đã cung cấp luận cứ, góp phần giải quyết được nhiều vấn đề của thực tiễn đặt ra.

Trong bối cảnh đẩy mạnh nghiên cứu liên ngành, Viện Hàn lâm đã đồng chủ trì các chương trình nghiên cứu lớn như Chương trình Tây Nguyên 3 (phối hợp với Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam), Chương trình Tây Nam Bộ (phối hợp với Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh), qua đó đã xây dựng được các bộ cơ sở dữ liệu phong phú, góp phần tổng kết thực tiễn trên tất cả các lĩnh vực cơ bản của đời sống kinh tế - xã hội vùng, chỉ ra được những thành tựu cũng như những bất cập của quá trình phát triển, chỉ rõ tiềm năng, thế mạnh của vùng, làm rõ bản chất, nguyên nhân của sự tụt hậu về phát triển kinh tế - xã hội, phát

triển con người, những vấn đề phức tạp ảnh hưởng đến ổn định xã hội và phát triển bền vững, những rào cản cản trở việc khai thác và phát huy tiềm năng, thế mạnh của vùng, từ đó đề ra các khuyến nghị giải pháp có giá trị tư vấn chính sách cao để thúc đẩy sự phát triển các vùng, địa phương trong vùng.

Như vậy, có thể thấy rõ các nghiên cứu của Viện Hàn lâm đã cung cấp các luận cứ khoa học và thực tiễn phục vụ đổi mới mô hình tăng trưởng, hoạch định đường lối, chủ trương, chiến lược và chính sách phát triển kinh tế ở phạm vi rộng, có tính dài hạn, ở tầm vĩ mô, được thể hiện trong các Văn kiện Đại hội Đảng, các Nghị quyết của Bộ Chính trị, cơ chế chính sách của Nhà nước. Các nghiên cứu của Viện Hàn lâm đã góp phần làm sáng tỏ các chủ trương, đường lối, chính sách phát triển của Đảng, truyền bá và lan tỏa tri thức trong hệ thống chính trị và toàn xã hội, góp phần đảm bảo sự thống nhất trong hệ thống chính trị, sự ủng hộ và đồng lòng của toàn xã hội trong thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách phát triển đất nước.

Bốn là, cung cấp luận cứ khoa học và tư vấn chính sách góp phần bảo tồn, phát huy và phát triển giá trị và bản sắc dân tộc; phát triển con người và xã hội Việt Nam văn minh, hiện đại

Các công trình nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn công phu, các dự án điều tra cơ bản kinh tế - xã hội quy mô cấp quốc gia, cấp Bộ trong các lĩnh vực văn hóa, ngôn ngữ, văn học, xã hội, tâm lý, nghiên cứu con người¹ đã hình thành những bộ cơ

¹ Chẳng hạn như: KX.04 “Luận cứ khoa học cho việc đổi mới chính sách xã hội và quản lý việc thực hiện chính sách xã hội” (1991-1995); KX.06 “Văn hóa, văn minh vì sự phát triển và tiến bộ xã hội” (1991-1995); KX.05 “Phát triển văn hóa, con người và nguồn nhân lực trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa” (2001-2005); KX.03/21-30 “Nghiên cứu, phát huy giá trị và nguồn lực nhân văn phục

sở dữ liệu phong phú, đồ sộ góp phần tổng kết, cung cấp các luận cứ khoa học và thực tiễn để đề xuất các giải pháp chính sách giải quyết các vấn đề cấp bách về văn hóa, ngôn ngữ, văn học, xã hội, tâm lý và phát triển con người; góp phần bảo tồn, phát huy và phát triển các giá trị và bản sắc của dân tộc Việt Nam, xây dựng và phát triển con người Việt Nam làm trung tâm, vừa là mục tiêu, vừa là động lực cho phát triển đất nước trong bối cảnh đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Các kết quả nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn trong lĩnh vực văn hóa đã góp phần xây dựng cơ sở lý luận, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của ngành văn hóa dân gian; về các thành tố văn hóa dân gian, về biến đổi văn hóa và các thành tố văn hóa trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ và yêu cầu bảo tồn, phát huy các giá trị và bản sắc văn hóa truyền thống; về di sản văn hóa vật thể và phi vật thể và yêu cầu bảo vệ và phát huy di sản trong mục tiêu phát triển bền vững của tộc người, quốc gia, đem lại sự phát triển kinh tế bao trùm. Trong bối cảnh hiện đại hóa và hội nhập với sự gia tăng nhanh chóng của các dòng

vụ phát triển đất nước”; chương trình “Những vấn đề cấp bách để bảo tồn và phát huy vai trò, bản sắc của ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam, góp phần phát triển bền vững đất nước trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế”; dự án “Điều tra cơ bản về ngôn ngữ các dân tộc thiểu số” (1991-1995); và các dự án lớn thực hiện trong giai đoạn 2001-2005 như Điều tra, sưu tầm, bảo quản, phiên dịch và xuất bản kho tàng Sử thi Tây Nguyên, Điều tra cơ bản các ngôn ngữ ở Việt Nam, Dự án tổng thể về bảo quản, sưu tầm, nghiên cứu, khai thác di sản Hán Nôm, Điều tra tổng thể và sưu tầm tư liệu văn học Việt Nam 10 thế kỷ (từ thế kỷ X đến thế kỷ XX), Điều tra cơ bản tiếng Việt và ngôn ngữ các dân tộc thiểu số, Dự án sưu tầm, mã hóa, nghiên cứu, khai thác chữ viết cổ truyền các dân tộc thiểu số ở Việt Nam, các ấn phẩm thường niên như Báo cáo Phát triển Con người,...

chảy toàn cầu, các công trình nghiên cứu về văn hóa đã đóng góp cho việc luận giải, làm rõ các hiện tượng văn hóa nảy sinh và phát triển trong xã hội đương đại, các hiện tượng văn hóa dân gian mới hay văn hóa dân gian đương đại, qua đó khẳng định văn hóa không phải được tạo ra từ những thực thể xã hội riêng biệt, ổn định, bền vững, cố định, mà là một hệ thống các hành vi và thực hành liên tục thay đổi và có sự tương tác của con người.

Các công trình nghiên cứu trong lĩnh vực ngôn ngữ học tập trung đi theo những hướng chủ đạo của ngôn ngữ học, từ nghiên cứu những vấn đề cơ bản về lý thuyết ngôn ngữ học như: từ vựng - ngữ nghĩa - ngữ pháp tiếng Việt đến các vấn đề của ngôn ngữ học xã hội; ngôn ngữ học ứng dụng; các vấn đề ứng dụng lý thuyết ngôn ngữ học vào đánh giá ngôn ngữ trẻ em; trong đó, một trong những hướng ưu tiên là nghiên cứu, bảo tồn ngôn ngữ các dân tộc thiểu số. Đặc biệt, các kết quả nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn ở tầm quốc gia và cụ thể liên quan đến các dân tộc 3 vùng trọng điểm Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ về văn hóa, ngôn ngữ đã làm rõ các giá trị thể hiện bản sắc dân tộc dưới góc độ văn hóa, ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số và của nền văn hóa Việt Nam, góp phần giải quyết các vấn đề cấp bách về bảo tồn và phát huy vai trò, bản sắc của ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam và các giá trị văn hóa truyền thống, cung cấp các luận cứ khoa học cho việc hoạch định chính sách phát triển văn học nghệ thuật, chính sách ngôn ngữ trong thời kỳ mới, góp phần phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Các kết quả nghiên cứu về văn học dân gian và văn học dân tộc thiểu số đã góp phần giới thiệu các giá trị dân gian truyền thống của Việt Nam trong tương quan với các nền văn học dân gian khu vực và thế giới. Các

công trình nghiên cứu văn học cổ trung đại với nhiều công trình công phu, điển hình là bộ sách *Thơ văn Lý - Trần*, được thực hiện bởi nhiều thế hệ nhà nghiên cứu kéo dài hàng chục năm, bộ sách hàm chứa giá trị xã hội học, sử học, văn hóa học, dân tộc học,... của Nhà nước Đại Việt kéo dài gần 500 năm. Nghiên cứu văn học cận, hiện đại và đương đại đã có những đóng góp quan trọng về giải phóng cá nhân, dân chủ hóa và vấn đề hiện đại hóa đời sống văn học. Các công trình nghiên cứu văn học nước ngoài đã góp phần quan trọng vào sự thay đổi tư duy nghệ thuật ở Việt Nam những năm 1990.

Các công trình nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn về xã hội học, tâm lý học và phát triển con người đã góp phần làm rõ thực trạng, bản chất và nguyên nhân, từ đó cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn cho hoạch định các chính sách giải quyết một số vấn đề cấp bách về xã hội và phát triển con người đặt ra trong quá trình phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa và hội nhập quốc tế như: cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội, chính sách xã hội, an sinh xã hội; bất bình đẳng xã hội; phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội; từ thiện xã hội; xây dựng và hiện thực hóa khung năng lực số cho người học trong hệ thống giáo dục quốc dân; các vấn đề liên quan đến phát triển con người, nguồn lực con người, vốn con người, quyền con người, an ninh con người; bình đẳng giới; sự vận động và biến đổi của gia đình Việt Nam, quan hệ gia đình và hạnh phúc gia đình; sự biến đổi tâm lý và những đặc điểm cơ bản của nông dân, người cao tuổi, nhóm lao động yếu thế; về các hành vi lệch chuẩn, bạo lực học đường, hiện tượng vô cảm, hôn nhân đồng tính, các tệ nạn xã hội; sức khỏe tâm thần của phụ nữ, trẻ em; chính sách và biện pháp giải quyết những vấn đề tâm lý - xã hội phát sinh từ đại dịch Covid-19 và quá trình biến đổi xã hội;...

qua đó góp phần xây dựng và phát triển con người và xã hội Việt Nam văn minh, hiện đại cả về tâm, trí và lực nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển đất nước trong bối cảnh mới.

Như vậy, các nghiên cứu của Viện Hàn lâm đã cung cấp các luận cứ khoa học và thực tiễn cho công tác hoạch định chính sách giải quyết các vấn đề cấp bách, nảy sinh trong quá trình phát triển; góp phần xây dựng hệ giá trị quốc gia, bảo tồn, phát huy và phát triển các giá trị và bản sắc dân tộc, củng cố sức mạnh mềm và công cụ chính trị bảo vệ nền tảng chính trị của Đảng, đảm bảo an ninh chế độ và trật tự xã hội, phát triển xã hội và con người Việt Nam giàu mạnh, tiến bộ, bền vững.

Năm là, cung cấp luận cứ khoa học và thực tiễn khẳng định khối đại đoàn kết dân tộc, giải quyết các vấn đề dân tộc, tôn giáo, an sinh xã hội, an ninh phi truyền thống, góp phần đấu tranh với các quan điểm sai trái, lợi dụng các vấn đề dân tộc, tôn giáo của các lực lượng thù địch để chống phá khối đại đoàn kết dân tộc

Các công trình nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn công phu, các dự án điều tra cơ bản kinh tế - xã hội quy mô về dân tộc và tôn giáo¹ đã thu được các bộ cơ sở dữ liệu lớn có giá trị nghiên cứu chuyên sâu

¹ Chương trình khoa học cấp Nhà nước “Những vấn đề cơ bản cấp bách về dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc ở nước ta”, giai đoạn I (2016-2020), hiện nay bắt đầu thực hiện giai đoạn II (2025-2030); Các chương trình nghiên cứu và dự án điều tra cơ bản cấp Bộ như “Những vấn đề cấp bách về dân tộc - tôn giáo trong những năm đầu thế kỷ XXI” (1996-2000), Điều tra cơ bản về tình hình tôn giáo, văn hóa dân gian các dân tộc (1991-1995), một số dự án lớn có tính chất liên ngành thực hiện trong giai đoạn 2001-2005 như Điều tra xác định các thành phần dân tộc Việt Nam, Điều tra tổng thể về lịch sử, văn hóa, xã hội địa bàn Tây Nguyên phục vụ xây dựng chiến lược vùng Tây Nguyên, Điều tra cơ bản các dân tộc vùng Tây Bắc, miền Trung và Tây Nam Bộ,...

cao, góp phần luận giải các vấn đề cấp bách của các dân tộc thiểu số, sự biến đổi của tôn giáo và sự hình thành các hiện tượng tôn giáo mới trong bối cảnh hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, qua đó khẳng định vai trò, vị trí của các dân tộc thiểu số và giá trị của tôn giáo có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Từ kết quả của các công trình nghiên cứu cơ bản và có hệ thống về các tộc người, nhất là các tộc người có dân số ít, cư trú ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng đặc biệt khó khăn, hội nhập vào cộng đồng quốc gia Việt Nam muộn, Danh mục các thành phần dân tộc ở Việt Nam được hình thành và được Nhà nước chính thức công bố năm 1979 và sử dụng đến nay. Đây là một trong những cơ sở pháp lý quan trọng để tổ chức thống kê dân số và các lĩnh vực chuyên ngành khác trên cả nước, từng địa phương, từng ngành và lĩnh vực; xây dựng và thực hiện các chính sách và pháp luật về dân tộc, tôn giáo, góp phần củng cố sự bình đẳng, đoàn kết, tin cậy, tôn trọng và cùng giúp đỡ nhau để phát triển các tộc người, các tôn giáo trong quốc gia Việt Nam đa dân tộc, đa tôn giáo; góp phần khẳng định vai trò và đóng góp của 54 tộc người trong cộng đồng quốc gia Việt Nam trong quá trình hình thành và xây dựng đất nước từ thời Hùng Vương đến sự phát triển của quốc gia Việt Nam trong kỷ nguyên mới hiện nay.

Các kết quả nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn, nhất là ở các vùng trọng điểm Tây Nam Bộ, Tây Nguyên, Tây Bắc, Đông Bắc, đã góp phần luận giải sâu sắc về các mối quan hệ dân tộc ở nước ta trong quá trình phát triển đất nước; làm rõ sự bình đẳng, đoàn kết, tin cậy, hợp tác trong nội bộ tộc người, giữa các tộc người là xu hướng chủ đạo, xuyên suốt trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; góp phần làm rõ hơn quá trình chuyển đổi từ tín ngưỡng truyền thống sang một số tôn giáo và hiện tượng tôn giáo mới ở một

số vùng và dân tộc, sự hình thành các cộng đồng tôn giáo theo tộc người và liên tộc người, ở trong vùng và liên vùng, không chỉ ở trong nước mà còn liên biên giới, xuyên quốc gia; góp phần làm rõ các giá trị của tín ngưỡng, tôn giáo là nguồn lực quan trọng để phát triển đất nước.

Các kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực dân tộc và tôn giáo đã góp phần đánh giá việc thực hiện chính sách, pháp luật về dân tộc, tôn giáo; tập trung phân tích làm nổi bật tầm quan trọng của chính sách và pháp luật về dân tộc, tôn giáo ở một quốc gia đa tộc người, đa tôn giáo, qua đó cho thấy việc hoạch định và thực hiện chính sách và pháp luật về dân tộc, tôn giáo có liên quan chặt chẽ đến vận mệnh quốc gia - dân tộc, có thể tạo nên sự ổn định nhưng cũng có thể làm bùng phát những vấn đề phức tạp, thậm chí gây hậu quả khôn lường, cản trở sự phát triển và tính thống nhất của cộng đồng quốc gia Việt Nam; trên cơ sở đó, góp phần cung cấp luận cứ khoa học cho việc thực hiện và bảo đảm quyền của các tộc người ở nước ta trong bối cảnh mới; đóng góp thiết thực về mặt lý luận và thực tiễn, góp phần xây dựng đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân tộc, tôn giáo; cung cấp luận cứ khoa học và nâng cao nhận thức, xây dựng hệ thống lý luận và quan điểm về nhân quyền và quyền của các tộc người trên lĩnh vực dân tộc, nhất là quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ với cộng đồng quốc gia mà mỗi tộc người là một thành viên; đồng thời, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác lại những luận điệu xuyên tạc, âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chống phá Nhà nước ta của các thế lực thù địch.

Có thể khẳng định, các nghiên cứu của Viện Hàn lâm đã góp phần hoàn thiện pháp luật và chính sách của Nhà nước trong giải quyết các vấn đề dân tộc, tôn giáo, an sinh xã hội, an ninh phi truyền thống; góp phần

đấu tranh với các quan điểm sai trái, lợi dụng các vấn đề dân tộc, tôn giáo của các lực lượng thù địch để chống phá khối đại đoàn kết dân tộc; góp phần giáo dục nhân sinh quan và thế giới quan cho thế hệ trẻ; đặc biệt là kịp thời nhận diện được các vấn đề cấp bách về dân tộc và tôn giáo có nguy cơ gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, từ đó cung cấp luận cứ khoa học xây dựng chiến lược công tác dân tộc và hoàn thiện các quy định pháp luật về tôn giáo, đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề dân tộc và tôn giáo nảy sinh, thu hẹp phát triển giữa các vùng dân tộc thiểu số với các vùng khác trên cả nước, nhằm xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam gắn liền với sự đồng hành của các cộng đồng tôn giáo Việt Nam.

Sáu là, cung cấp luận cứ khoa học và thực tiễn làm rõ lịch sử hình thành và phát triển đất nước, khẳng định chủ quyền quốc gia, đấu tranh và phản bác các luận điệu tranh chấp lãnh thổ trên đất liền cũng như trên biển, đảo, các âm mưu phá hoại ổn định trật tự xã hội, an ninh quốc gia

Các chương trình nghiên cứu, các dự án lớn về Hán Nôm, lịch sử, khảo cổ học¹ đã phát hiện, sưu tầm, hệ thống hóa tài liệu đa dạng, phong phú, công bố với thế giới về các căn cứ pháp lý và lịch sử tin cậy, khơi

¹ Chẳng hạn như: “Nghiên cứu cơ sở lịch sử, văn hóa, chính trị, xã hội và pháp lý của vùng biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia”, “Nghiên cứu tổng thể tư liệu về Hoàng Sa và Trường Sa”, Chương trình “Khai thác tài liệu Hán Nôm và tiếng nước ngoài liên quan đến chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và Biển Đông”, “Điều tra cơ bản và hệ thống hóa tư liệu khảo cổ học vùng Nam Bộ”, “Nghiên cứu tổng thể về văn hóa Óc Eo ở Nam Bộ”, Đề án “Nghiên cứu và biên soạn bộ Lịch sử Việt Nam”; Nhiệm vụ đặc biệt cấp Quốc gia “Xây dựng bộ địa chí quốc gia Việt Nam”, Chương trình trọng điểm cấp Bộ “Nghiên cứu tổng thể vùng biên giới đất liền ở Việt Nam góp phần phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, chính trị trong điều kiện hiện nay”,...

dậy ý chí bảo vệ chủ quyền đất nước, thu hút sự đồng tình của dư luận thế giới, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng góp phần khẳng định chủ quyền của Việt Nam trên đất liền cũng như đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và Biển Đông.

Các nghiên cứu công phu về lịch sử, các phát hiện lớn về khảo cổ học ở hệ thống di tích sơ kỳ Đá cũ An Khê (Gia Lai), khu di tích Điện Kính Thiên, Hoàng thành Thăng Long (Hà Nội), khu di tích Thành nhà Hồ (Thanh Hóa), khu di tích Bãi cọc Bạch Đằng (Hải Phòng), khu di tích Óc Eo - Ba Thê, Nền Chùa (An Giang) và nhiều khu di tích ở các địa phương trên cả nước đã góp phần làm rõ các vấn đề về lịch sử hình thành và phát triển đất nước Việt Nam qua các thời kỳ; làm rõ truyền thống bất khuất, kiên cường, cần cù, thông minh, sáng tạo của dân tộc Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; góp phần làm sáng tỏ những đặc điểm, quy luật và di sản của lịch sử dân tộc. Đặc biệt, các phát hiện về lịch sử và khảo cổ học đã làm rõ sự hình thành và phát triển của vùng đất Nam Bộ và vùng đất Tây Nguyên, những bộ phận không thể tách rời của đất nước Việt Nam trong lịch sử, qua đó khẳng định chủ quyền quốc gia và tính toàn vẹn lãnh thổ, góp phần ổn định chính trị, đảm bảo an ninh, chủ quyền quốc gia và trật tự xã hội. Các nghiên cứu khảo cổ học còn góp phần bảo tồn nhiều di tích, xây dựng các hồ sơ và được UNESCO công nhận là di sản thế giới, xây dựng các hồ sơ di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt, qua đó cũng khẳng định chủ quyền quốc gia đối với di sản.

Các nghiên cứu chuyên sâu về Hoàng Sa và Trường Sa² đã phát hiện, sưu tầm, hệ thống hóa tài liệu Hán Nôm và tiếng nước

² Chẳng hạn như: “Nghiên cứu tổng thể tư liệu về Hoàng Sa và Trường Sa”; Chương trình “Khai thác tài liệu Hán Nôm và tiếng nước ngoài liên quan đến chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và Biển Đông”,...

ngoài đa dạng, phong phú, cung cấp các bằng chứng lịch sử, góp phần khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và Biển Đông.

Có thể thấy rõ, các nghiên cứu của Viện Hàn lâm đã góp phần giải mã lịch sử và văn hóa cội nguồn của Việt Nam, qua đó khẳng định chủ quyền quốc gia, đấu tranh và phản bác với các luận điệu tranh chấp lãnh thổ trên đất liền cũng như trên biển, đảo, các âm mưu phá hoại ổn định, trật tự xã hội, an ninh quốc gia, các vấn đề an ninh phi truyền thống, “diễn biến hòa bình”, nhất là các vùng trọng điểm Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ.

Bây là, cung cấp luận cứ khoa học và tư vấn chính sách bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, góp phần làm thay đổi tư duy, nhận thức và ý thức về khai thác tài nguyên, gia tăng sử dụng nguyên liệu tái chế và năng lượng tái tạo, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững

Các công trình nghiên cứu liên ngành đã tập trung giải quyết một số vấn đề gắn với chiến lược phát triển bền vững quốc gia như: vấn đề liên kết nội vùng, liên vùng; kinh tế xanh và đô thị xanh; vấn đề tái định cư cho các dự án thủy điện vừa và nhỏ; cơ chế, chính sách khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên và con người vùng biển, đảo ở Việt Nam; phát triển kinh tế tuần hoàn; kịp thời cập nhật các vấn đề mới của thế giới đang có những diễn biến nhanh, phức tạp như năng lượng biển, ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu, qua đó cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn cho công tác hoạch định chính sách phát triển bền vững ở Việt Nam. Các nghiên cứu của Viện Hàn lâm đã góp phần làm thay đổi tư duy, nhận thức và ý thức về khai thác tài nguyên, gia tăng sử dụng nguyên liệu tái chế và năng lượng tái tạo, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu, “xanh hóa” từ tư duy đến hành động trong hệ thống chính trị và của toàn xã hội.

Tám là, cung cấp luận cứ khoa học và thực tiễn luận giải và dự báo cục diện thế giới, góp phần xây dựng đường lối đối ngoại, tích cực và chủ động hội nhập quốc tế

Các chương trình nghiên cứu công phu về quốc tế, khu vực và một số quốc gia trọng tâm¹ đã có những đóng góp quan trọng trong việc cung cấp luận cứ xác định mô hình, đường hướng phát triển của quốc gia trên cơ sở nghiên cứu, tham khảo, vận dụng có chọn lọc kinh nghiệm của thế giới, góp phần định hướng chính sách đối ngoại của đất nước. Các công trình nghiên cứu đã tập trung phân tích, luận giải những vấn đề có tính thời sự, bám sát những diễn biến nổi bật trong đời sống kinh tế, chính trị thế giới như chiến lược của các nước lớn và ảnh hưởng đến cục diện khu vực và thế giới, về sự chuyển đổi các mô hình quan hệ hợp tác song phương và đa phương, về sự chuyển đổi phương thức phát triển và xu hướng hội nhập quốc tế của một số quốc gia và khu vực trên thế giới. Các kết quả nghiên cứu đã giúp người Việt Nam hiểu rõ về các quốc gia, dân tộc, các nền văn minh trên thế giới, đồng thời góp phần cung cấp cơ sở thực tiễn, chỉ rõ những thành công và chưa thành công của các quốc gia nghiên cứu điển hình, gợi mở những bài học kinh nghiệm chọn lọc và vận dụng sáng tạo phù hợp với bối cảnh và đặc thù của Việt Nam trong quá trình xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển đất nước, thực hiện đường lối đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế của Đảng và Nhà nước, góp phần cung cấp luận cứ phục vụ công

¹ Các chương trình nghiên cứu cấp Bộ như “Bối cảnh quốc tế và sự điều chỉnh chính sách kinh tế của các nước lớn” (1996-2000), “Những đặc điểm mới của bối cảnh quốc tế, khu vực và đối sách của Việt Nam” (2000-2005), “Sự điều chỉnh chiến lược và phương thức phát triển mới của Trung Quốc, tác động đến thế giới, khu vực và Việt Nam”, Chương trình trọng điểm cấp Bộ “Nghiên cứu cục diện thế giới đến năm 2030 phục vụ mục tiêu hội nhập và phát triển đất nước giai đoạn mới”,...

tác hoạch định chính sách phát triển, định hướng hội nhập quốc tế chủ động, tích cực và hiệu quả trên tất cả các cấp độ song phương và đa phương. Các nghiên cứu của Viện Hàn lâm đã góp phần cung cấp các luận cứ khoa học phục vụ xây dựng chiến lược hội nhập quốc tế, hoạch định đường lối, chính sách đối ngoại trong bối cảnh xu thế toàn cầu hóa đang có những thay đổi, cục diện khu vực và thế giới diễn biến phức tạp và khó lường, qua đó góp phần khẳng định và nâng cao vai trò và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, trong mối quan hệ với các nước lớn và khu vực, vừa khai thác tốt mối quan hệ song phương và đa phương, vừa đảm bảo chủ quyền lãnh thổ và vai trò của một quốc gia độc lập, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế.

3. Một số yêu cầu tự đổi mới của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam nhằm đáp ứng yêu cầu trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc

Những thành tựu, đóng góp của Viện Hàn lâm trong suốt quá trình đổi mới và phát triển đất nước là rõ rệt, cần được tiếp tục phát huy, đồng thời, Viện Hàn lâm cần tự đổi mới để tiến cùng sự vận động về quan điểm và tư duy của Đảng, nâng cao năng lực đáp ứng được yêu cầu phát triển đất nước thịnh vượng trong kỷ nguyên mới, tập trung vào một số giải pháp chính sau:

i) Chủ động đề xuất Lãnh đạo Đảng và Nhà nước đặt hàng Viện Hàn lâm nghiên cứu về các chủ đề, vấn đề tầm cỡ quốc gia để xác định mô hình phát triển, định hướng phát triển, giải quyết các điểm nghẽn tăng trưởng, các vấn đề cấp bách trong quá trình phát triển.

ii) Chủ động xây dựng và đề xuất các chương trình nghiên cứu cấp quốc gia, cấp bộ trọng điểm để tập trung giải quyết một số vấn đề lớn và cấp bách của quốc gia theo từng thời kỳ.

iii) Chủ động xây dựng và đề xuất các dự án lớn, dự án điều tra cơ bản kinh tế - xã

hội, hình thành được các bộ cơ sở dữ liệu đồ sộ, phong phú. Chỉ qua điều tra cơ bản kinh tế - xã hội quy mô lớn mới có chất liệu đầu vào chuyên sâu để tạo nên các công trình nghiên cứu lớn có tầm cỡ quốc gia.

iv) Tiếp tục tự đổi mới, một mặt định hình cho các viện nghiên cứu chuyên ngành trong định hướng nghiên cứu trọng tâm, trọng điểm, chú trọng tính liên ngành, mặt khác tạo được môi trường dân chủ trong học thuật, khuyến khích được tính sáng tạo và trí tuệ của các nhà khoa học trong tư duy, phát hiện vấn đề và đề xuất chủ đề nghiên cứu có ý nghĩa cao về lý luận và thực tiễn.

v) Chủ động xây dựng các Đề án, Dự án đầu tư tăng cường năng lực, hiện đại hóa cơ sở vật chất theo hướng tập trung, đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số tổng thể, toàn diện để các hoạt động quản lý, điều hành, nghiên cứu khoa học, đào tạo và thư viện đều vận hành trên nền tảng số có tính liên thông cao.

vi) Chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nghiên cứu, xây dựng đội ngũ chuyên gia; hình thành các nhóm nghiên cứu chuyên sâu, liên ngành, bao quát các lĩnh vực và vùng trọng điểm để nghiên cứu phản ứng nhanh, tư vấn chính sách hiệu quả.

vii) Chú trọng liên kết với các tổ chức nghiên cứu, đào tạo, chính quyền địa phương, doanh nghiệp để mở rộng mạng lưới nghiên cứu, đào tạo trong nước và quốc tế, tạo cơ chế để các chính quyền địa phương, doanh nghiệp đặt hàng thực hiện các nghiên cứu KHXH&NV có tính ứng dụng.

4. Kết luận

Cố Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu trong lần đến thăm và làm việc với Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia vào năm 1998 cũng nhấn mạnh: “Nhiều sản phẩm khoa học xã hội và nhân văn có chất lượng ra đời, đặc biệt phải kể đến sự đóng góp của Trung tâm trong việc góp phần bổ sung, lý giải và làm rõ thêm những quan điểm của

Đảng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta” (Dẫn theo: Đặng Thị Phụng, 2023)¹. Riêng với các công trình nghiên cứu của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đánh giá: “Các nghiên cứu của Viện Hàn lâm đã làm rõ lịch sử hình thành, phát triển của dân tộc và đất nước, con người Việt Nam, các giá trị và bản sắc văn hóa của dân tộc được thừa kế và phát huy trong suốt hàng nghìn lịch sử, khẳng định chủ quyền quốc gia và sự toàn vẹn lãnh thổ của đất nước”².

Mặc dù có những bất lợi thế trong minh chứng về tính ứng dụng và hiệu quả, các công trình nghiên cứu của Viện Hàn lâm, cả theo hướng nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng, tư vấn chính sách, trên thực tế đã góp phần làm thay đổi tư duy, nhận thức, ý thức của hệ thống chính trị và toàn xã hội trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế, cung cấp các luận cứ khoa học và thực tiễn quan trọng phục vụ cho việc xây dựng và ban hành các Nghị quyết, chiến lược, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, vùng và địa phương, giải quyết các vấn đề cấp bách, nảy sinh trong quá trình phát triển, góp phần củng cố các nền móng cho sự phát triển ổn định và bền vững, lấy sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và sự ổn định thể chế chính trị làm nền tảng phát triển đất nước, xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN trong bối cảnh Việt Nam hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Qua đó, có thể khẳng định vị thế của một tổ chức nghiên cứu cơ bản, tư vấn chính sách độc lập của Viện Hàn lâm. Với sứ mệnh đặc biệt

trong tư vấn chiến lược cho Đảng và Nhà nước, nghiên cứu phục vụ chính sách, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, với yêu cầu cao của mục tiêu phát triển đất nước thịnh vượng trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, Viện Hàn lâm cần được tập trung đầu tư, tăng cường năng lực ngang tầm các tổ chức nghiên cứu, tư vấn chính sách ở các nước tiên tiến của khu vực và thế giới □

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập I, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Lê Khả Phiêu (1998), “Phát biểu của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu trong lần đến thăm và làm việc với Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia vào năm 1998”, *Báo Nhân dân* ngày 18/02.
3. Đặng Thị Phụng (2023), “Vai trò của Khoa học xã hội và nhân văn trong xây dựng chính sách”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học Những thành tựu lớn về nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam giai đoạn 1953-2023*, Hà Nội.
4. Hồ Sĩ Quý (2023), “Một số suy nghĩ về khoa học xã hội và Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học Những thành tựu lớn về nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam giai đoạn 1953-2023*, Hà Nội.
5. Nguyễn Phú Trọng (2013), “Phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại lễ kỷ niệm 60 năm thành lập Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam 2/12/1953-2/12/2023”, *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội*, số 12, tr. 3-7.
6. Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (2023), *Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam 70 năm xây dựng và phát triển*, Tập 1 và Tập 2, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

¹ Xem: Lê Khả Phiêu (1998), “Phát biểu của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu trong lần đến thăm và làm việc với Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia vào năm 1998”, *Báo Nhân dân* ngày 18/02.

² Xem: Nguyễn Phú Trọng (2013), “Phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại lễ kỷ niệm 60 năm thành lập Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam 2/12/1953-2/12/2023”, *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội*, số 12.